

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2024/HS - ST

Ngày 17-7-2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: ông Bùi Đức Minh và bà Trần Thị Nụ

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Chương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trình - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 30/2024/TLST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2024/QĐXXST-HS, ngày 03 tháng 7 năm 2024 đối với:

1. Bị cáo: **Vũ Văn H**, sinh năm 1994 tại xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: thôn Đ, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Văn H1 (đã chết) và bà Lưu Thị L.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Bản án số 84/2021/HS-ST ngày 21/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xử phạt Vũ Văn H 01 năm tù về tội “ trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/5/2022.

Nhân thân: Quyết định số 11/2018/QĐ-XLHC ngày 18/4/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây, TP Hà Nội áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 15 tháng.

Bị cáo bị bắt theo lệnh truy nã và bị tạm giữ từ ngày 25/01/2024 sau đó chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. Bị cáo được trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: ông Vũ Ngọc T – trợ giúp viên pháp lý trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T, (có mặt).

2. Bị hại: Anh Vũ Văn T1, sinh năm 1980

Địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình, (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Vũ Văn H2, sinh năm 1997

Địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình, (có mặt).

4. Những người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1957, (có mặt).

- Bà Lưu Thị L, sinh năm 1973, (có mặt).

- Bà Tạ Thị N, sinh năm 1983, (có mặt).

- Anh Vũ Thành C, sinh năm 2005, (có đơn xin vắng mặt).

- Ông Vũ Văn Đ, sinh năm 1971, (có mặt).

- Anh Phạm Văn V, sinh năm 1994, (có mặt).

Đều ở địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình

- Anh Nguyễn Thành A, sinh năm 2000, (có mặt).

Địa chỉ: thôn V, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 04/6/2023 anh Vũ Văn T1 nghe vợ là chị Đào Thị H3 kể chuyện việc bà Lưu Thị L (là mẹ của bị cáo) nói với chị, bà có nợ ít tiền công cày bừa của anh T1 nhưng gặp đâu anh cũng đòi và anh T1 lấy công cày bừa cao. Khoảng 19 giờ cùng ngày, anh T1 đi sang nhà bà L, thấy bà L đang đứng ở sân, anh T1 hỏi: “sao bà lại bảo tôi gặp bà ở đâu đòi tiền ở đây?”. Bà L không trả lời anh T1 mà chửi đồng dẫn đến hai bên xảy ra lời qua tiếng lại. Do biết H và anh H2 là con của bà L đang ở nhà anh V (hàng xóm gần nhà) nên anh T1 sang gọi hai người về chứng kiến sự việc xem ai đúng ai sai, thấy anh T1 gọi, H và anh H2 đi về nhà.

Lúc này, bà L và anh T1 tiếp tục lời qua tiếng lại với nhau, do bức tức vì bị bà L dùng lời lẽ thô tục chửi nên anh T1 dùng tay phải tát về phía mặt bà L nhưng không trúng và dùng chân phải đá vào người bà L. Cùng lúc anh H2 về đến nơi, thấy anh T1 đánh bà L, H2 chửi anh T1 rồi dùng tay chân đâm đá anh T1, H về sau dùng tay đánh anh T1. Anh T1 đánh lại H và H2 rồi chạy ra ngoài cổng nói: “ chúng mày đánh tao là sai rồi, chúng mày đợi tao tởm” rồi chạy về nhà. Hịu vào nhà cầm 01chiếc thang giường bằng gỗ định đuổi theo anh T1 nhưng bà L ngăn lại. Hịu vào trong nhà lấy 02 con dao bằng kim loại để ở gầm tủ, tay trái cầm con dao mũi nhọn, dài 63,5 cm phần lưỡi dao dài 41cm, bản chỗ rộng nhất 4,2 cm, cán dao bằng kim loại tròn dài 22,5cm; tay phải cầm con dao dài khoảng 50cm, bản rộng khoảng 10cm, chuôi bằng gỗ, một cạnh sắc, mũi tày chạy sang nhà anh T1, anh H2 chạy sau mục đích can

ngăn.

Anh T1 về nhà cầm 01 đoạn tuýp sắt phi 21 dài khoảng 02 mét để phòng Hịu và H2 sang, bà M - là mẹ anh T1 biết chuyện nên can ngăn anh T1. Ngay lúc này H đi đến gần anh T1, thấy vậy anh T1 đẩy bà M ra và nói: “ Mẹ gọn ra không nó chém bây giờ”, đồng thời dùng tuýp sắt vụt về phía đầu của H nhưng không trúng. Hịu tiến về phía anh T1, khi cách anh T1 khoảng 01 m, H dùng dao đang cầm ở tay phải chém một nhát hướng từ trên xuống dưới, từ phải qua trái trúng vào mé bên trái đầu của anh T1, anh T1 ôm tay phải Hịu, giằng co. Thấy H và anh T1 đang ôm nghì nhau, bà M lấy con dao ở tay trái Hịu vút ra ngoài sân, bà N ôm người Hịu để can ngăn, H tiếp tục dùng dao ở tay phải chém 2-3 nhát về phía đầu anh T1. Anh C chạy lại ôm Hịu từ phía sau, ông Đ giằng con dao ở tay phải H và chửi H, anh A lấy con dao từ tay ông Đ ném ra đường, mọi người đẩy H về nhà. Anh T1 được mọi người đưa đi sơ cứu tại trạm y tế xã A, chuyển cấp cứu tại bệnh viện đa khoa huyện P và bệnh viện đa khoa tỉnh T, đến ngày 16/6/2023 được xuất viện. Hậu quả bị chấn thương sọ não, tụ máu ngoài màng cứng đỉnh trái, vỡ xương đỉnh trái, đa tổn thương, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây lên là 36 %.

Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 264/KLTTCT-PY, ngày 03/7/2023 của Trung tâm P kết luận về thương tích đối với anh Vũ Văn T1:

1. Các kết quả chính: đỉnh lệch trái có vết sẹo nhỏ; thái dương trái có 2 vết sẹo, vùng đỉnh – trán có vết sẹo nhỏ; kết quả chụp CT sọ não: có lớp máu lẫn dịch hình liềm dày 5mm ở sát xương sọ vùng thái dương trái, có hình ảnh vá xương sọ vùng thái dương trái kích thước (88 x 78) mm.

2. Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/ 2019/TT-BYT, ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Vũ Văn T1 tại thời điểm giám định là 36 %. Cơ chế hình thành thương tích do vật sắc gây lên.

Về trách nhiệm dân sự: anh yêu cầu bị cáo bồi thường tổng số tiền là: 103.989.000 đồng, gồm:

Chi phí điều trị: cấp cứu tại bệnh viện Đ 116.000 đồng, xe cấp cứu 500.000 đồng, chi phí điều trị tại bệnh viện đa khoa tỉnh T là 6.088.500 đồng, tiền thuốc theo đơn 8.479.900 đồng, tiền bồi dưỡng bác sỹ 4.000.000 đồng, tiền ăn trong thời gian nằm viện 2.400.000 đồng.

Tiền công không lao động được từ ngày 4/6/2023 đến ngày 02/8/2023 của anh T1 là 17.000.000 đồng với mức thu nhập 300.000 đồng/ ngày.

Tiền công không lao động được của người chăm sóc anh T1 là 25.000.000 đồng, với mức thu nhập 350.000 đồng/ ngày.

Tiền tổn thất về tinh thần là 40.000.000 đồng. Sau đó anh T1 rút yêu cầu đối với tiền bồi dưỡng bác sỹ và tiền ăn.

Về vật chứng: quản lý 01 con dao kim loại dài 63,5cm, đối với con dao bị cáo dùng chém anh H đã truy tìm nhưng không thu giữ được.

Bản cáo trạng số 31/CT-VKSTB ngày 10 tháng 5 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình truy tố Vũ Văn H về tội “ Giết người” theo quy định tại khoản 2 Điều 123 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Vũ Văn H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng.

Bị hại anh Vũ Văn T1 trình bày: khoảng 19 giờ ngày 04/6/2023 anh sang nhà bà L (mẹ bị cáo H) để hỏi tại sao bà L nói anh gắp đầu cũng đòi tiền cày bừa. Thấy bà L ở nhà một mình nên anh gọi H và anh H2 về chứng kiến xem ai đúng ai sai, do bị bà L chửi nên anh đã dùng tay tát bà L nhưng không trúng, dùng chân phải đá vào người bà L, H và H2 đánh anh, anh có nói “ chúng mày đánh tao là sai rồi, chúng mày đợi tao tở” rồi về nhà. Khi anh đang ở nhà, thì H2 tay cầm 02 con dao tiến đến gần anh, anh dùng tuýp sắt vụt về phía đầu của H nhưng không trúng. Khi H còn cách anh khoảng 01 m dùng dao ở tay phải chém từ trên xuống dưới trúng vào đầu anh, anh ôm tay phải H, giằng co, rồi H tiếp tục dùng dao ở tay phải chém 2-3 nhát về phía đầu anh.

Về trách nhiệm dân sự: bị cáo chưa bồi thường cho anh khoản tiền nào, anh yêu cầu bị cáo bồi thường tổng số tiền là 97.184.400 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh: tuyên bố bị cáo Vũ Văn H phạm tội Giết người. Áp dụng khoản 2 Điều 123, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 và khoản 2 điều 51, Điều 50, Điều 57, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức án từ 09 năm -10 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: áp dụng các điều 584, 585, 587 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự, đề nghị HĐXX buộc bị cáo bồi thường cho bị hại tổng số tiền từ 88.000.000 đồng đến 93.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: tịch thu tiêu hủy của bị cáo 01 con dao tự chế bằng kim loại.

Về án phí: bị cáo thuộc diện hộ nghèo nên được miễn án phí.

- Người bào chữa cho bị cáo: nhất trí với tội danh và điều luật VKS đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo nên đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất. Về trách nhiệm dân sự đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật, về án phí bị cáo thuộc hộ nghèo nên đề nghị cho bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo nhất trí với ý kiến của người bào chữa, không có tranh luận bổ sung.

Bị hại: đề nghị giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không trình bày lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa.

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng là căn cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo. Ngoài ra còn được chứng minh bằng các chứng cứ sau: Biên bản kiểm tra, xác định nơi xảy ra vụ việc và sơ đồ nơi xảy ra vụ việc do công an xã Đ lập ngày 19/6/2023, Bản kiểm tra đặc điểm và dấu vết trên dao do công an tỉnh T lập ngày 12/3/2024, Biên bản xác định thương tích ban đầu của anh Vũ Văn T1 do cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Q lập ngày 20/6/2023 tại trạm y tế xã A và Bệnh viện Đ, huyện Q, Bệnh án ngoại khoa của anh Vũ Văn T1 tại Bệnh viện đa khoa tỉnh T, Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 264/KLTTCT-PY, ngày 03/7/2023 của Trung tâm P kết luận về thương tích đối với anh Vũ Văn T1, đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa.

[3] Từ những căn cứ nêu trên có đủ cơ sở kết luận: khoảng 19 giờ ngày 04/6/2023, do bức tức việc anh Vũ Văn T1 chửi và đánh mẹ bị cáo nên Vũ Văn H đã dùng dao là hung khí nguy hiểm chém nhiều nhát vào vùng đầu của bị hại là vùng trọng yếu trên cơ thể dễ gây nguy hiểm đến tính mạng nếu không được cấp cứu kịp thời. Bị hại bị chấn thương sọ não, tụ máu ngoài màng cứng đỉnh trái, vỡ xương đỉnh trái, tổn thương cơ thể là 36 %. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc dùng dao chém nhiều nhát vào vùng đầu bị hại có thể gây nguy hiểm đến tính mạng nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Do vậy hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Giết người” theo khoản 2 Điều 123 Bộ luật Hình sự.

Điều 123. Tội giết người

1. Người nào giết người thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình:

.....

2. Phạm tội không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.

.....

[4] Hành vi của bị cáo là rất nghiêm trọng đã xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của bị hại, làm mất an ninh trật tự tại địa phương, gây tâm lý lo sợ, hoang mang, trong quần chúng nhân dân. Bị cáo đã bị xử phạt tù do có hành vi trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích nhưng không chịu tu dưỡng, rèn luyện mà cố ý thực hiện hành vi phạm tội, sau khi gây án bỏ trốn thể hiện việc coi thường pháp luật, do vậy cần xử phạt Vũ Văn H mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội thời gian dài mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng: bị cáo bị áp dụng một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp chưa đạt nên áp dụng Điều 57 Bộ luật Hình sự quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường tổng số tiền 97.184.400 đồng, bị cáo đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật, căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 587 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự, HĐXX buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại các khoản sau:

[7.1] Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe: tiền cấp cứu tại bệnh viện Đ 116.000 đồng, xe cấp cứu 500.000 đồng, chi phí điều trị tại bệnh viện đa khoa tỉnh T là 6.088.500 đồng, tiền thuốc theo đơn bác sỹ chỉ định là 8.479.900 đồng, tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe 10.000.000 đồng.

[7.2] Thu nhập thực tế bị mất của anh T1: anh T1 làm thợ xây với mức thu nhập trung bình là 300.000 đồng/ ngày, anh T1 điều trị tại bệnh viện 12 ngày, sau khi xuất viện cần 45 ngày để phục hồi sức khỏe, nên thu nhập thực tế bị mất của anh T1 là 300.000 đồng/ ngày x 57 ngày = 17.100.000 đồng.

[7.3] Thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc anh T1: chị Đào Thị H3 là vợ anh T1 là người chăm sóc anh T1, chị làm may cho nhà bà Nguyễn Thị X ở cùng xã với mức thu nhập 350.000 đồng/ ngày, sau khi xuất viện anh T1 cần có người chăm sóc trong thời gian khoảng 10 ngày nên thu nhập bị mất của người chăm sóc anh T1 là 22 ngày x 350.000 đồng/ ngày = 7.700.000 đồng

[7.4] Tiền bồi thường tổn thất về tinh thần: căn cứ vào tỷ lệ tổn thương cơ thể, buộc bị cáo phải bồi thường số tiền tương đương với 15 tháng lương tối thiểu bằng 35.100.000 đồng là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 590 BLDS.

[7.5] Tổng số tiền bị cáo phải bồi thường cho anh T1 là 85.084.400 đồng.

[8] Về xử lý vật chứng: 01 con dao tự chế bằng kim loại là công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

[9] Những nội dung khác trong vụ án:

[9.1] Đối với anh Vũ Văn H2, có hành vi dùng tay, chân đánh anh T1 tại sân nhà bà L, do anh T1 không bị thương tích, cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh T đã chuyển xử lý hành chính là đúng quy định của pháp luật.

Khi H cầm dao chạy sang nhà anh T1, anh H2 chạy theo mục đích để can ngăn, không có lời lẽ kích động, cổ vũ, xúi giục H1; trước đó anh và bị cáo không bàn bạc gì với nhau nên không có căn cứ xác định anh H2 là đồng phạm với bị cáo.

[9.2] Anh Vũ Văn T1 có hành vi dùng chân đá vào người bà Lưu Thị L, bà L không bị thương tích và không yêu cầu bồi thường nên cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh T chuyển tài liệu để công an huyện Q xử lý hành chính là đúng quy định của pháp luật.

[10] Về án phí: bị cáo thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố: bị cáo Vũ Văn H phạm tội “Giết người”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 2 Điều 123, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 57, Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Vũ Văn H 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 25/01/2024.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các điều 584, 585, 587 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Vũ Văn H bồi thường cho anh Vũ Văn T1 tổng số tiền là 85.084.400 (tám mươi năm triệu không trăm tám mươi tư nghìn bốn trăm) đồng.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: tịch thu tiêu huỷ của bị cáo 01 con dao kim loại tự chế bằng kim loại, một mặt lưỡi; dao dài 63,5 cm, phần lưỡi dao dài 41cm, bản chỗ rộng nhất 4,2 cm; cán dao bằng kim loại tròn dài 22,5 cm, một đầu dẹt được hàn với thân dao, đầu còn lại hình tròn có đường kính 2,7 cm. Vật chứng đang được quản lý tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình theo biên bản giao nhận ngày 10/5/2024.

5. Về án phí: áp dụng Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án: bị cáo được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 17/7/2024.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 17/7/2024.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu

cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, có quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Công an tỉnh Thái Bình;
- Trại tạm giam CA tỉnh Thái Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Cục THADS tỉnh Thái Bình;
- Bị cáo; Bị hại; người liên quan.
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Huệ

